

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2025/DS-PT**

Ngày: **04/4/2025**

V/v “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị TT

Các Thẩm phán: ông Phạm Thái B và bà Vũ Thị Thanh H

Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Q – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh b

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: bà Nguyễn Thị H- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLPT-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc: “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại**”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 28/TB-TA ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

N đơn: bà Khương Thị Thanh Q – sinh năm: 1982

Địa chỉ: số 196, khu phố 1, Ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của N đơn: ông Trần N, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 558B Cách Mạng Tháng 8, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh B

Bị đơn:

1. Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Trần Thị Lệ C, sinh năm: 1998

Địa chỉ: 192 Đình Phong Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố T, thành phố H.

2. Nguyễn N L, sinh năm: 2018

3. Nguyễn T L, sinh năm: 2014

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn N L và Nguyễn T L: bà Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố P, tỉnh B.

4. Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1965

Địa chỉ: số 11, thôn Bình Thủy, xã P, huyện B, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thế Cường, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số 196, Khu 1, Ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế Cường: ông Trần N, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 558B Cách mạng tháng 8, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh B.

2. Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam

Địa chỉ: số 02, Nguyễn Tất Thành, thành phố P, tỉnh B.

3. Bà Kiều Thảo Vy, sinh năm: 1983

4. Bà Bùi Thị Kim H, sinh năm: 1964

5. Bà Huỳnh Thảo Ngân, sinh năm: 1996

Cùng địa chỉ: Thôn Bình Thủy, xã P, huyện B, tỉnh B.

Người làm chứng: ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1974

Địa chỉ: số 334 đường ĐT 720, Thôn 6, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh B

Tại phiên toà có mặt ông Trần N, bà Trần Thị Lệ C, ông Nguyễn Văn T, những người khác vắng mặt.

Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Lệ C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, N đơn và đại diện trình bày:* trong quá trình quen biết, bà Khương Thị Thanh Q có cho ông Nguyễn Lê Cát T vay tiền để đầu tư làm ăn. Ngày 09/12/2021, bà Q chuyển cho ông T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào tài khoản ngân hàng số 7650111403007 được mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần quân đội (MB Bank). Số tiền này ông T chưa kịp trả lại cho bà Q thì đến ngày 23/01/2022, ông T bị tai nạn chết. Cụ thể:

Ngày 09/12/2021, bà Khương Thị Thanh Q chuyển khoản cho ông T 05 lần, mỗi lần 400.000.000 đồng (Bốn trăm T đồng). Tổng cộng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Mã giao dịch lần lượt là: 17492163, 17492218, 17492258, 17492282, 17492351. Nội dung chuyển tiền là chuyển cho T mượn L1, L2, L3, L4, L5, tổng 5 lần 2 tỷ.

Theo yêu cầu của ông Nguyễn Lê Cát T, số tiền trên được chuyển vào tài khoản sau:

Tên tài khoản: NGUYỄN LÊ CÁT T.

Số tài khoản: 7650111404007.

Ngân hàng: Thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank).

Ngày 23/01/2022, ông Nguyễn Lê Cát T bị tai nạn chết, bà Khương Thị Thanh Q đã nhiều lần yêu cầu vợ ông T là bà Huỳnh Thị Thảo N có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền này nhưng bà N không đồng ý trả. Vì đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà N, ông T trong thời kỳ hôn nhân nên bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà Q $\frac{1}{2}$ khoản tiền nợ chung là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) còn lại hàng thừa kế thứ nhất của ông T, gồm cha ông T là Nguyễn Hoài N, vợ ông T là Huỳnh Thị Thảo N, con ông T là Nguyễn N L, Nguyễn T L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Khương Thị Thanh Q.

Nay bà Khương Thị Thanh Q yêu cầu bà Huỳnh Thị Thảo N và các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Lê Cát T phải có nghĩa vụ trả cho bà Khương Thị Thanh Q số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị Thảo N phải trả cho bà Khương Thị Thanh Q $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung, số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Buộc các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất gồm: Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn N L, Nguyễn T L, trước khi thực hiện phân chia di sản thừa kế thì phải có nghĩa vụ dùng khối di sản này để thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại, phải trả cho bà số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Khi còn sống, ông Nguyễn Lê Cát T và vợ là Huỳnh Thị Thảo N đã dùng tài sản của mình để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh B, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 551000937047, ngày ký hợp đồng: 18/01/2019, ngày kết thúc hợp đồng: 02/02/2026.

2. Hợp đồng tín dụng số 554001029745, ngày ký hợp đồng: 06/11/2019, ngày kết thúc hợp đồng: 07/11/2039.

3. Hợp đồng tín dụng số 556000699369, ngày ký hợp đồng: 20/4/2017, ngày kết thúc hợp đồng: 25/4/2022.

4. Hợp đồng tín dụng số 558000311163, ngày ký hợp đồng: 21/8/2015, ngày kết thúc hợp đồng: 21/8/2025.

5. Hợp đồng tín dụng số 559000771735, ngày ký hợp đồng: 27/10/2017, ngày kết thúc hợp đồng: 08/11/2027.

6. Hợp đồng tín dụng số 559001221890, ngày ký hợp đồng: 21/7/2021, ngày kết thúc hợp đồng: 21/7/2026.

Các tài sản mà vợ chồng ông Nguyễn Lê Cát T, bà Huỳnh Thị Thảo N thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nói trên thuộc về vấn đề bảo mật của khách hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy N đơn

không thể tiếp cận, cung cấp các thông tin về tài sản đang thế chấp của ông T, bà N được. Vì vậy, đề nghị Tòa xác minh, thu thập các thông tin tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh B của ông T, bà N theo các thông tin được cung cấp nêu trên để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện trình bày:* ông Nguyễn Lê Cát T, sinh năm 1986 ở khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố P, tỉnh B là chồng bà Huỳnh Thị Thảo N, công tác tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam Chi nhánh B. Ngày 19/01/2022, ông Nguyễn Lê Cát T bị tai nạn giao thông và chết ngày 23/01/2022. Do ông T chết đột ngột nên bà N không biết việc làm ăn của ông T. Vợ chồng ông T, bà N có 02 người con là Nguyễn T L, sinh năm 2014 và Nguyễn N L, sinh năm 2018. Các con hiện đang đi học, còn bà N làm tiệm tóc, lương tháng của chồng bà N thì Ngân hàng trừ nợ, còn tiệm tóc là thu nhập hàng ngày dùng cho chi phí sinh hoạt gia đình và phụ trả thêm tiền Ngân hàng.

Tài sản chung của vợ chồng tạo lập là căn nhà cấp 4C ở đường thủ Khoa Huân vào năm 2013 là do vay ngân hàng mua. Diện tích đất 3.360m² trồng thanh long ở huyện B là do cha mẹ bà mua nhưng do có con rể làm ở Ngân hàng nên mượn tên bà đứng tên để vay Ngân hàng cho dễ và hàng tháng cha mẹ bà đưa tiền cho bà trả Ngân hàng từ nguồn thu nhập của thanh long. Xe ô tô mua vào năm 2019 là bà N và em gái bà vay Ngân hàng để mua, hàng tháng bà N và em gái cùng trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Một căn nhà cấp 4C hẻm đường Lê Duẩn vay Ngân hàng mua và hiện vẫn còn nợ ngân hàng. Toàn bộ tài sản này vợ chồng bà N đứng tên vay ngân hàng nên bà biết. Sau khi chồng bà N chết, bà đã bán căn nhà cấp 4C ở đường Thủ Khoa Huân để trả nợ cho Ngân hàng. Em gái bà N đưa tiền còn lại trả Ngân hàng và bà N đã chuyển nhượng xe cho em gái bà. Đất trồng thanh long ở huyện B diện tích 3.360m² cha mẹ bà N nhờ trả Ngân hàng và bà chuyển nhượng trả lại cho cha mẹ bà. Chỉ còn lại căn nhà cấp 4C hẻm đường Lê Duẩn vẫn còn nợ Ngân hàng căn nhà này.

Đối với khoản nợ bà Khương Thị Thanh Q, sinh năm 1983, ở số 196 khu phố 1, ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo, huyện C, tỉnh Đ số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau khi chồng bà Huỳnh Thị Thảo N mất 49 ngày, bà Q đến nhà bà đòi và bà nói là không biết gì về số tiền này. Bà Q khởi kiện cho rằng cho chồng Bà mượn tiền chuyển tiền vào tài khoản qua tin nhắn. Chồng Bà không đem số tiền này về cho gia đình, gia đình cũng không có thêm tài sản gì, tài sản mà bà khai là có trước, không có tài sản nào mới mua sắm, số tiền chồng Bà vay không có lập hợp đồng vay và theo quy định nếu chồng vay phải có tên người vợ ký vì vay số tiền quá lớn.

Bà Huỳnh Thị Thảo N cho rằng chồng Bà chết không có tài sản để lại và nợ không có chứng cứ rõ ràng nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị Thanh Q về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Thảo N phải trả cho bà Khương Thị Thanh Q ½ khoản nợ chung, số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Buộc các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất gồm: Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn N L, Nguyễn T L, trước khi thực hiện phân chia di sản thừa kế thì phải có nghĩa vụ dùng khối di sản này để thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại, phải trả cho bà số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Tại đơn xin vắng mặt ngày 27/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày: ông Nguyễn Hoài N là cha ruột của ông Nguyễn Lê Cát T. Vào đầu năm 2022, Nguyễn Lê Cát T mất do tai nạn giao thông. Sau khi con ông Nhân là Nguyễn Lê Cát T mất thì có một số người đến nói con ông Nhân làm ăn chung và vay mượn tiền nhưng bản thân ông Nhân không biết về vấn đề này và cũng đã từ chối nhận di sản do con trai ông Nhân để lại nên ông Nhân xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế Cường trình bày: ông là chồng của bà Khương Thị Thanh Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị Thanh Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn Huỳnh Thị Thảo N phải trả cho bà Q số tiền 1.000.000.000 đồng, các đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Nguyễn Lê Cát T phải có nghĩa vụ dùng khối di sản thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Q số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng. Số tiền 2.000.000.000 đồng là tài sản riêng của bà Q. Khi bà Q cho ông T mượn để làm ăn thì ông Cường không biết. Việc bà Q cho ông T mượn tiền như thế nào, hình thức ra sao là tự bà Q thỏa thuận với ông T, ông không được biết. Ông Cường yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh B trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Lê Cát T, bà Huỳnh Thị Thảo N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh B gồm 06 khoản vay và đăng ký thế chấp tài sản cho các khoản vay này bằng 06 tài sản. Đến ngày 31/08/2022 chỉ còn khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 1942074/2019-HĐCV/NHCT600 ngày 06/11/2019 với số tiền vay 1.200.000.000 đồng, số tiền đã trả 87.500.000 đồng, còn lại 1.112.500.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày thực tế thanh toán. Tài sản bảo đảm còn lại là 03 tài sản, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 174390, sổ vào sổ cấp GCN: CH01408 do UBND thành phố P cấp ngày 15/6/2015, cập nhật biến động ngày 25/02/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X429469 do UBND huyện B cấp ngày 10/11/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK684993 do UBND huyện B cấp ngày 07/6/2012. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thảo Ngân trình bày: bà Huỳnh Thảo Ngân là em ruột của bà Huỳnh Thị Thảo N. Bà Ngân và bà N có vay ngân hàng mua chung 01 chiếc xe ô tô hiệu Ford và trả gốc, lãi hàng tháng. Đến khi ông Nguyễn Lê Cát T bị tai nạn mất thì bà Ngân trả hết số tiền còn lại và sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Ford. Bà Ngân và bà N đã lập hợp đồng chuyển nhượng và cập nhật giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tại Công an huyện B ngày 07/9/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim H trình bày:

Năm 2017, bà Bùi Thị Kim H có mua 02 mảnh đất nông nghiệp có trồng sẵn cây thanh long ở xã P, huyện B. Do ông Nguyễn Lê Cát T là con rể của bà Hà làm ở Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh B nên bà nhờ con gái là Huỳnh Thị Thảo

N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng và bà trả tiền lãi và tiền gốc theo quy định. Đến đầu năm 2022, ông T mất do tai nạn giao thông nên bà Hà trả hết số tiền còn lại và bà N đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà và đang cập nhật tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thảo Vy trình bày:

Ngày 12/10/2022, bà Kiều Thảo Vy có mua 01 căn nhà cấp 4 ở hẻm 84 Thủ Khoa Huân, thành phố P của bà Huỳnh Thị Thảo N, làm hợp đồng chuyển nhượng và cập nhật quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 620 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của N đơn bà Khương Thị Thanh Q về việc buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N phải có trách nhiệm trả nợ vay cho N đơn bà Khương Thị Thanh Q số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Khương Thị Thanh Q đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn N L, Nguyễn T L, ông Nguyễn Hoài N.

Buộc bà Huỳnh Thị Thảo N và Nguyễn N L, Nguyễn T L do bà Huỳnh Thị Thảo N là người đại diện theo pháp luật phải có trách nhiệm trả cho bà Khương Thị Thanh Q số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông Nguyễn Lê Cát T để lại, gồm: phần sở hữu xe ô tô căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020173 được Phòng Cảnh sát Công an tỉnh B cấp ngày 25/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2019, biển số 86 A-097.29; phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số: 32, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Khu phố 9, phường Phú Trinh, thành phố P, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 174390, số vào sổ cấp GCN: CH01408 do UBND thành phố P cấp ngày 15/6/2015, cập nhật biến động ngày 25/02/2019 và ngày 27/11/2019; phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số: 312, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 913822, số vào sổ cấp GCN: CH00466 do UBND huyện B cấp ngày 24/9/2010, cập nhật biến động ngày 16/05/2017 và ngày 04/8/2017; phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số: 313, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 913821, sổ vào sổ cấp GCN: CCH0048 do UBND huyện B cấp ngày 24/9/2010, cập nhật biến động ngày 16/05/2017 và ngày 04/8/2017, phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số: 285, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố P, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 389040, sổ vào sổ cấp GCN: H00017 do UBND thành phố P cấp ngày 11/7/2007, cập nhật biến động ngày 15/08/2013.

Ông Nguyễn Hoài N không phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Trần Thị Lệ C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo giữ N yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Đại diện theo ủy quyền của N đơn yêu cầu giữ N án sơ thẩm .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

- Về thủ tục: việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ N bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/11/2023 của TAND thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Trần Thị Lệ C trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: N đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 2.000.000.000 đồng do ông Nguyễn Lê Cát T đã nợ trước khi chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” là đúng quan hệ tranh chấp. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố P áp

dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thảo N vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DSST, ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P cho rằng giữa ông T và bà Q không phát sinh khoản nợ vay, N đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ cho việc vay mượn nên không có trách nhiệm trả nợ và không thực hiện nghĩa vụ người chết để lại.

[4.1] Xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: do có quan hệ làm ăn nên khi ông Nguyễn Lê Cát T (chết ngày 23/01/2022) còn sống, vào ngày 09/12/2021 bà Khương Thị Thanh Q có chuyển cho ông T tổng cộng 5 lần với số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) đồng vào tài khoản ngân hàng số 7650111403007 được mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần quân đội (MB Bank), tên tài khoản là Nguyễn Lê Cát T. Theo bà Q cho rằng đây là khoản nợ của ông T, đến ngày 23/01/2022 chưa trả khoản nợ trên cho bà Q thì ông T bị tai nạn giao thông chết. Theo sổ hạch toán chi tiết của tài khoản ông Nguyễn Lê Cát T từ ngày 09/12/2021 đến ngày 31/12/2021 do Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh B, số tiền nhận của ông T từ tài khoản của bà Q 5 lần chuyển khoản trong cùng ngày 09/12/2021 qua các mã giao dịch lần lượt là: 17492163, 17492218, 17492258, 17492282, 17492351. Nội dung chuyển tiền: *Chuyen cho Tuong muon L1, L2, L3, L4, L5*. Mỗi lần chuyển 400 triệu đồng, tổng 5 lần là 2 tỷ đồng. Ngoài ra trên bản sao kê tài khoản đã thể hiện một số giao dịch của ông T thể hiện: ngày 11/12/2021 phát sinh nợ 18.200.000 đồng do trả tiền mua yến, ngày 13/12/2021 phát sinh nợ 7.600.000 đồng do trả tiền mua yến, ngày 18/12/2021 phát sinh nợ 950.000 đồng do trả tiền mua yến, ngày 20/12/2021 phát sinh nợ 140.000.000 đồng do trả tiền cọc đất. Ngoài ra ông Nguyễn Lê Cát T còn thực hiện một số giao dịch khác phát sinh sau đó.

Như vậy, cấp sơ thẩm xác định ông T có nhận tiền qua tài khoản do bà Khương Thị Thanh Q chuyển 5 lần, tổng cộng số tiền 2.000.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, sau khi ông T chết thì vào ngày 09/02/2022, số tài khoản 102000300412 của ông Nguyễn Văn T chuyển vào số tài khoản 180414849171723 của bà Khương Thị Thanh Q với nội dung “Tra lai tien vay cho Tuong ngày 09-12-2021” đối với số tiền 60.000.000 đồng.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn T và tại phiên tòa phúc thẩm, ông thừa nhận đã chuyển khoản trả vào cho bà Khương Thị Thanh Q khoản tiền vay của T vào ngày 09/02/2022 nhưng khai nại mục đích do ông là người giới thiệu cho ông T vay tiền của bà Q nên khi ông T chết ông thấy bà Q khó khăn ông hỗ trợ cho bà Q chuyển vào tài khoản bà Q 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Q xác định không biết khoản tiền trên là tiền gì, không được bà Q thông tin lại nhưng xác nhận tài khoản có nhận tiền 60.000.000 đồng là của bà Q. Như vậy, bà Q đã nhận lại số tiền 60.000.000 đồng do ông T trả thay cho ông T cho nên số tiền nợ

của ông T là 2.000.000.000 đồng sau khi trừ đi 60.000.000 đồng thì nghĩa vụ thanh toán còn lại là 1.940.000.000 đồng.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ: tại đơn khởi kiện bà Khương Thị Thanh Q xác định khoản vay mượn 02 tỷ đồng và buộc bà N phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Tại bản án sơ thẩm xác định ông T vay tiền của bà Q để thực hiện nhu cầu thiết yếu của vợ chồng, do đó xác định vợ ông T (đã chết) là bà Huỳnh Thị Thảo N phải có trách nhiệm trả cho bà Q $\frac{1}{2}$ số tiền của 02 tỉ đồng.

Tuy nhiên, qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngoài việc bà Khương Thị Thanh Q có 05 lần chuyển tiền qua tài khoản cùng ngày 09/12/2021 cho ông T qua các mã giao dịch lần lượt tại tài khoản cá nhân trong hệ thống Ngân hàng của ông T và nội dung trên tin nhắn chuyển tiền do bà Khương Thị Thanh Q tự soạn, việc vay mượn không có ai chứng kiến, chỉ có ông T và bà Khương Thị Thanh Q biết. Bà Khương Thị Thanh Q không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác để xác định mục đích khoản vay này để sử dụng chung của vợ chồng là ông T và N.

Tại phiên tòa sơ thẩm và quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của N đơn không xuất trình có việc thỏa thuận khác hoặc tài liệu chứng cứ gì liên quan đến khoản nợ chung vợ chồng nên không có căn cứ xác định số tiền bà Khương Thị Thanh Q chuyển vào tài khoản của ông T là khoản nợ chung của vợ chồng ông T bà N. Hơn nữa, sau khi nhận số tiền 02 tỉ đồng vào tài khoản của ông T, thì trong ngày 09/12/2021 tài khoản ông T đã thực hiện việc rút số tiền 1.700.000.000 đồng và chưa có cơ sở để xác định số tiền ông T rút dùng vào mục đích gì. Bà Huỳnh Thị Thảo N không thừa nhận việc ông T dùng số tiền trên vào mục đích chung của vợ chồng và cũng xác lập khoản tiền trên khi ông T nhận là khoản tiền riêng giữa ông T với bà Q.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nợ chung của ông T, bà N và xác định bà Nguyễn phải thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và những người thuộc hàng thừa kế của ông T phải thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 1.000.000.000 đồng là không chính xác. Mà phải xác định đây là khoản nợ riêng của ông T, nhưng do ông T đã chết nên những người thừa kế thứ nhất của ông T gồm các ông, bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn N L, Nguyễn T L, Nguyễn Hoài N phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T với số tiền là 1.940.000.000 đồng trong phạm vi phần di sản thừa kế do ông T chết để lại. Nội dung kháng cáo này của đại diện bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.3] Đối với phần quyết định phân chia di sản thừa kế: mặc dù không có đương sự yêu cầu phân chia di sản, xác định di sản của người chết để lại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định di sản của ông T chưa chia gồm các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng theo biên bản định giá tài sản: *phần sở hữu xe ô tô biển số 86 A-097.29; phần quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 174390, cập nhật biến động ngày 25/02/2019 và ngày 27/11/2019; phần quyền sử dụng đất tọa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 913822 cập nhật biến động ngày 16/05/2017 và ngày 04/8/2017; phần quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 913821, cập nhật biến động ngày 16/05/2017 và ngày*

04/8/2017; *phần quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 389040, số vào sổ cấp GCN: H00017 do UBND thành phố P cấp ngày 11/7/2007, cập nhật biến động ngày 15/08/2013.* Cấp sơ thẩm còn xác định ông Nguyễn Hoài N do từ chối nhận di sản nên không phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại là không đúng và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa N đơn xác định chỉ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, không yêu cầu xác định phần di sản của người chết để lại, để phân chia. Do đó, chỉ cần tuyên buộc bị đơn là người hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Lê Cát T (đã chết) thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản người chết để lại.

[5] Đối với phần án phí: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí là bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn N L và Nguyễn T L do bà Huỳnh Thị Thảo N là người đại diện theo pháp luật nộp 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Bà Huỳnh Thị Thảo N phải nộp 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Tòa án sơ thẩm xác định án phí phải chịu như trên là không đúng. Do xác định lại nghĩa vụ trả nợ do ông Nguyễn Lê Cát T (đã chết) đối với số tiền 1.940.000.000 đồng, nên án phí được xác định là 70.200.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn N L, Nguyễn T L, Nguyễn Hoài N phải chịu 70.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi phần di sản thừa kế do ông Nguyễn Lê Cát T để lại.

Như phần nhận định tại Mục 4.1 thì nghĩa vụ thanh toán còn lại là 1.940.000.000 đồng nên bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 60.000.000 đồng không được chấp nhận.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong việc xác định phần nợ chung và nghĩa vụ do người chết để lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã xác định lại số tiền phải thực hiện nghĩa vụ và những vấn đề có liên quan. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, điểm b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 612, 613, 614, Điều 615 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị Thanh Q về buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Lê Cát T thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Lê Cát T (do ông T đã chết ngày 23/01/2022).

Buộc các ông bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn Nguyễn Lam, Nguyễn T L, Nguyễn Hoài N (hàng thừa kế thứ nhất ông Nguyễn Lê Cát T) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Khương Thị Thanh Q số tiền 1.940.000.000 (một tỷ chín trăm bốn mươi triệu) đồng trong phạm vi phần di sản thừa kế do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: các ông bà Huỳnh Thị Thảo N, Nguyễn Nguyễn Lam, Nguyễn T L, Nguyễn Hoài N phải chịu 70.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong phần di sản thừa kế do ông Nguyễn Lê Cát T chết để lại.

Bà Khương Thị Thanh Q phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 36.000.000 đồng tạm ứng án phí bà Quyền đã nộp theo biên lai số 009653 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Còn lại 33.000.000 đồng hoàn trả cho bà Q.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thảo N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0001036 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP. P;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị TT